

Số: 66 /KH-LĐLĐ

Hải Phòng, ngày 07 tháng 6 năm 2019

KẾ HOẠCH

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa XIII về "Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Hải Phòng thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa"

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày 19/3/2009 về “Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Hải Phòng thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá” (Nghị quyết số 26-NQ/TU); Chương trình công tác số 64-CTr/TU ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Ban Chỉ đạo xây dựng giai cấp công nhân Hải Phòng, Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động thành phố hướng dẫn tổ chức Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TU, với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Tổng kết, đánh giá đúng thực trạng tình hình và những kết quả đạt được, chưa đạt được so với yêu cầu của Nghị quyết số 26-NQ/TU; nêu rõ những ưu điểm, hạn chế, yếu kém, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết.
- Đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện có hiệu quả Nghị quyết trong thời gian tới.

2. Yêu cầu:

- Đảm bảo đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ, chính xác kết quả triển khai Nghị quyết số 26-NQ/TU.
- Công tác tổng kết Nghị quyết được thực hiện nghiêm túc, chất lượng, hiệu quả, đúng yêu cầu.

II. NỘI DUNG BÁO CÁO (Thực hiện theo đề cương gửi kèm)

III. NỘI DUNG HỘI NGHỊ CẤP THÀNH PHỐ

1. Thời gian: Dự kiến vào trung tuần tháng 8/2019.

2. Địa điểm: Phòng họp số 1, Cơ quan Liên đoàn Lao động thành phố.

3. Thành phần (khoảng 100 đại biểu)

- Đại biểu đại diện Ban Chỉ đạo Xây dựng giai cấp công nhân Hải Phòng, đại diện Ban Dân vận Thành ủy;

- Thường trực, đại diện lãnh đạo các ban, Văn phòng, Văn phòng UBKT, Quỹ Trợ vốn, Trung tâm TVPL Liên đoàn Lao động thành phố;
- Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) LĐLĐ các quận, huyện, công đoàn ngành, CĐCS trực thuộc LĐLĐ thành phố;
- Giám đốc các đơn vị KTSN công đoàn trực thuộc LĐLĐ thành phố;
- Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) các CĐCS ngoài nhà nước tiêu biểu trong thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TU trực thuộc LĐLĐ quận, huyện, Công đoàn ngành *(có danh sách phân bổ kèm theo)*.
- Đại diện cơ quan báo chí, truyền hình thành phố.

4. Chương trình hội nghị

- 4.1. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu;
- 4.2. Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TU;
- 4.3. Các phát biểu tham luận;
- 4.4. Biểu dương, khen thưởng (nếu có);
- 4.4. Phát biểu của lãnh đạo cấp trên;
- 4.5. Tổng kết bế mạc.

5. Tiêu đề hội nghị

(Huy hiệu công đoàn)

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

HỘI NGHỊ

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa XIII về "Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Hải Phòng thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa"

Hải Phòng, ngày ...tháng 8 năm 2019

6. Kinh phí *(có dự toán riêng)*

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Liên đoàn Lao động thành phố

1.1. Giao Ban Tuyên giáo

- Tham mưu xây dựng kế hoạch hướng dẫn tổng kết tới các Ban, đơn vị trực thuộc; tổng hợp báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TU; chuẩn bị bài phát biểu của lãnh đạo cấp trên (nếu có).

- Tham mưu danh sách đại biểu; lập dự toán kinh phí; làm công tác tổ chức hội nghị; phối hợp với Văn phòng đón tiếp đại biểu; phối hợp định hướng nội dung tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; phân công tham luận.

1.2. Giao Văn phòng

- Tham mưu soạn thảo, phát hành giấy mời, phát tài liệu tại hội nghị; chuẩn bị hội trường, tít chữ; phối hợp đón tiếp, sắp xếp chỗ ngồi và biển tên đại biểu.

- Đơn đốc, tập hợp các bài tham luận của các đơn vị đồng thời in đóng quyển tài liệu gửi các đại biểu.

- Chuẩn bị bài phát biểu của đồng chí Chủ tịch Liên đoàn Lao động thành phố;

1.3. Giao Ban Tài chính: Chuẩn bị kinh phí đã được Thường trực duyệt.

1.4. Các Ban LĐLĐ thành phố:

- Chuẩn bị, cung cấp tổng hợp số liệu 10 năm thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TU (giai đoạn 2009-2019) và chi tiết số liệu từng năm (theo mẫu gửi kèm), trong đó tập trung đánh giá, phân tích, so sánh kết quả thực hiện, những thuận lợi, khó khăn và đề xuất, kiến nghị những giải pháp trong thời gian tiếp theo.

2. Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, CĐCS trực thuộc

Xây dựng báo cáo tổng kết 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TU bằng văn bản và báo cáo phụ lục số liệu về Liên đoàn Lao động thành phố Hải Phòng; đồng thời gửi đính kèm file mềm gửi vào địa chỉ email: ldld.bantuyengiao@haiphong.gov.vn

Căn cứ kế hoạch, LĐLĐ thành phố đề nghị các ban LĐLĐ thành phố; các công đoàn cấp trên cơ sở và CĐCS trực thuộc nghiêm túc thực hiện, gửi báo cáo về Liên đoàn Lao động thành phố (qua Ban Tuyên giáo) trước ngày **30/6/2019**. Mọi vướng mắc phản ánh về LĐLĐ thành phố (qua Ban Tuyên giáo) tham mưu giải quyết./

Nơi nhận:

- BCĐ XDGCCN TP;
- Ban Tuyên giáo Thành ủy;
- Ban Dân vận Thành ủy;
- Các đ/c UVBCH, Ban Thường vụ LĐLĐ TP;
- Các đơn vị trực thuộc LĐLĐTP;
- Lưu: VP, Ban TG.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đào Thị Huyền

ĐỀ CƯƠNG

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa XIII
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 66/KH-LĐLĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Ban Thường vụ LĐLĐ thành phố)



PHẦN THỨ NHẤT

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Nêu khái quát bối cảnh, đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội, những thuận lợi và khó khăn của địa phương, đơn vị trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT

1. Đánh giá công tác chỉ đạo triển khai Nghị quyết của các cấp công đoàn và tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền thực hiện Nghị quyết:

1.1. Tổng hợp tình hình tham mưu thực hiện Nghị quyết trong các cấp ủy đảng :

- Tổ chức học tập, quán triệt trong các cấp ủy.
- Xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án, văn bản chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của các cấp ủy Đảng.
- Công tác kiểm tra, đôn đốc triển khai thực hiện.

1.2. Tổng hợp tình hình tham mưu thực hiện Nghị quyết trong các cấp chính quyền: Công tác tuyên truyền, triển khai, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết.

1.3. Tình hình triển khai thực hiện ở các cấp công đoàn:

- Tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt.
- Tham mưu cho cấp ủy đảng và phối hợp chính quyền trong triển khai thực hiện Nghị quyết.
- Xây dựng chương trình, kế hoạch, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết.
- Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của tổ chức công đoàn.
- Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc triển khai thực hiện Nghị quyết.
- Công tác sơ, tổng kết, khen thưởng việc thực hiện Nghị quyết.

2. Đánh giá chung sự chuyển biến về nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, các đoàn thể, đặc biệt là tổ chức công đoàn trong quán triệt, triển khai Nghị quyết.

III. KẾT QUẢ 10 NĂM TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT

1. Tình hình giai cấp công nhân sau 10 năm thực hiện Nghị quyết.

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu, quan điểm về xây dựng giai cấp công nhân đề ra tại Nghị quyết số 26-NQ/TU.

3. Kết quả triển khai các nhiệm vụ và giải pháp trong Nghị quyết

3.1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của đoàn viên công đoàn, CNVCLĐ

- Các hoạt động tuyên truyền, bồi dưỡng, nâng cao ý thức giác ngộ giai cấp, bản lĩnh chính trị, hiểu biết pháp luật, tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động cho đoàn viên, công nhân lao động...*(nêu các hình thức, sáng kiến mới, có hiệu quả trong công tác tuyên truyền; kết quả thực hiện các chỉ tiêu).*

- Việc nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động: Hoạt động của các thiết chế văn hóa đã có (nhà đa năng....); tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại cơ sở.

- Những chuyển biến trong công tác nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp cho đoàn viên, người lao động.

3.2. Đảm bảo quyền lợi hợp pháp, chính đáng; chăm lo đời sống vật chất; giải quyết có hiệu quả những bức xúc của công nhân:

- Công đoàn tham gia xây dựng và kiểm tra, giám sát việc ban hành và thực thi các chính sách pháp luật liên quan đến người lao động.

- Công đoàn tham gia giải quyết những vấn đề bức xúc của công nhân lao động hiện nay: Nhà ở, nhà trẻ, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tiền lương, thu nhập, chất lượng bữa ăn...; tham gia giải quyết việc làm; giải quyết tranh chấp lao động, đình công, ngừng việc tập thể ...

- Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức đối thoại; thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ.

3.3. Đẩy mạnh công tác phát triển đoàn viên; đổi mới tổ chức và hoạt động của tổ chức công đoàn

- Công tác phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở, nhất là ở các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (theo Kết luận số 80-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa X); Nghị quyết số 28-NQ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng về xây dựng củng cố và phát triển tổ chức cơ sở đảng, đoàn thể trong các loại hình doanh nghiệp ngoài nhà nước, hợp tác xã, trường học ngoài công lập.

- Công tác quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ công đoàn, bố trí hợp lý cán bộ công đoàn chuyên trách ở các doanh nghiệp ngoài nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có đông đoàn viên.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn.

- Công tác giới thiệu đoàn viên ưu tú để Đảng xem xét kết nạp.

- Công tác quản lý đoàn viên, đánh giá phân loại đoàn viên; công tác nâng cao chất lượng đoàn viên.

- Công tác thu - chi tài chính công đoàn.
- Công tác kiểm tra, giám sát của ban chấp hành, ban thường vụ và ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp.

3.4. Đẩy mạnh các phong trào thi đua trong đoàn viên công đoàn, công nhân, viên chức, lao động

- Tổ chức các phong trào thi đua trong đoàn viên công đoàn, công nhân, viên chức, lao động. Đánh giá hiệu quả các phong trào thi đua do tổ chức công đoàn phát động; những bất cập, hạn chế trong tổ chức các phong trào thi đua. Đề xuất các phong trào thi đua có hiệu quả trong từng đối tượng đoàn viên.

- Việc cải tiến, đổi mới nội dung, phương pháp tổ chức thi đua và khen thưởng trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Tôn vinh người lao động giỏi, có nhiều cống hiến cho sự phát triển của doanh nghiệp và xã hội.

3.5. Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về giai cấp công nhân và hoạt động công đoàn

IV. ĐÁNH GIÁ ƯU ĐIỂM, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Ưu điểm

- Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TU ở các cấp công đoàn đã quán triệt đầy đủ các quan điểm của Đảng về xây dựng giai cấp công nhân chưa; mức độ và kết quả thực hiện các chủ trương, giải pháp nêu trong chương trình hành động và Nghị quyết (đầy đủ, cụ thể, quyết liệt chưa? có thiết thực không? hiệu quả đến đâu, cần điều chỉnh, bổ sung như thế nào?...).

- Đánh giá tình hình CNVCLĐ trong 10 năm qua (số lượng, chất lượng, cơ cấu, việc làm, đời sống...) và hoạt động công đoàn, so sánh với thời điểm trước khi có Nghị quyết số 26-NQ/TU.

- Sau 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết, việc xây dựng giai cấp công nhân, xây dựng tổ chức công đoàn có đạt mục tiêu như Nghị quyết đã đề ra chưa? quan điểm, giải pháp của các nghị quyết có còn phù hợp tình hình thực tiễn hiện nay?

- Đánh giá tình hình giai cấp công nhân sau 10 năm thực hiện Nghị quyết, sự thay đổi về số lượng, chất lượng, khả năng đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển thành phố.

2. Tồn tại, hạn chế:

Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các chủ trương, giải pháp thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TU (*chú ý những chủ trương, giải pháp nào thực hiện chưa hiệu quả*).

3. Nguyên nhân:

Nguyên nhân của hạn chế, khó khăn, vướng mắc, trong đó chú trọng các nguyên nhân chủ quan.

4. Bài học kinh nghiệm.



BẢNG PHỤ LỤC SỐ LIỆU

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TU về “Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Hải Phòng thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá”

(Kèm theo Kế hoạch số: 66 /KH-LĐLĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu chương trình hành động	Số lượng
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO			
1	Triển khai trong các cấp ủy Đảng, chính quyền			
1.1	Ban hành văn bản chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền	Số lượng		
1.2	Học tập, quán triệt			
-	Số cuộc	Cuộc		
-	Số người	Người		
-	Tỷ lệ	%		
1.3	Kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện			
-	Số cuộc	Cuộc		
-	Số đơn vị	Đơn vị		
2	Triển khai thực hiện ở các cấp công đoàn			
2.1	Ban hành các văn bản chỉ đạo	Số lượng		
2.2	Học tập, quán triệt			
-	Số cuộc/buổi/lớp học tập, quán triệt	Số lượng		
-	Số CNVCLĐ tham gia học tập, quán triệt	Số lượng		
-	Tỷ lệ	%		
2.3	Kiểm tra, giám sát, đôn đốc triển khai			
-	Số cuộc	Cuộc		
-	Số đơn vị	Đơn vị		
II	KẾT QUẢ TRIỂN KHAI			
1	Công tác tuyên truyền			
1.1	Số CĐCS có tổ chức hoạt động tuyên truyền	CĐCS		
-	Tỷ lệ so với tổng số CĐCS	%		
1.2	Số cuộc tuyên truyền, phổ biến chỉ thị, nghị quyết, chính sách, pháp luật...	Cuộc		
-	Tỷ lệ so với tổng số CĐCS	%		
1.3	Số đoàn viên và người lao động được học tập, tuyên truyền, phổ biến các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Công đoàn...	Người		
-	Tỷ lệ so với tổng số CNVCLĐ	%		

1.4	Biên soạn, phát hành các loại tài liệu tuyên truyền			
-	Số đầu tài liệu đã biên soạn	đầu tài liệu		
-	Số lượng sách, tài liệu đã phát hành	cuốn, bản		
2	Việc nâng cao đời sống văn hóa tinh thần			
2.1	Số CĐCS tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ thể thao tại cơ sở	CĐCS		
-	Tỷ lệ so với tổng số CĐCS	%		
2.2	Số lượt CNVCLĐ tham gia	Người		
-	Tỷ lệ so với tổng số CNVCLĐ	%		
2.3	Các thiết chế VHTT được đầu tư, xây dựng	Số lượng		
3	Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở			
3.1	Số cơ quan, đơn vị tổ chức hội nghị CBCC	Đơn vị		
-	Tỷ lệ	%		
3.2	Số doanh nghiệp tổ chức hội nghị người lao động	Số lượng		
-	Tỷ lệ	%		
	Trong đó:	Đơn vị		
-	Số lượng doanh nghiệp khu vực nhà nước tổ chức hội nghị người lao động?	Số lượng		
	Tỷ lệ	%		
-	Số lượng doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước tổ chức hội nghị người lao động?			
	Tỷ lệ	%		
3.3	Số doanh nghiệp nhà nước ký thỏa ước lao động tập thể	Số lượng		
	Tỷ lệ	%		
3.4	Số doanh nghiệp ngoài nhà nước ký kết thỏa ước lao động tập thể	Số lượng		
	Tỷ lệ	%		
3.5	Thành lập trung tâm tư vấn pháp luật hoặc Văn phòng Tư vấn pháp luật; tổ tư vấn pháp luật	Số lượng		
4	Phát triển đoàn viên, xây dựng CĐCS vững mạnh			
4.1	Số đoàn viên công đoàn được kết nạp	Số lượng		
-	Tỷ lệ	%		
4.2	Số CĐCS mới thành lập	Số lượng		
-	Tỷ lệ	%		
4.3	CĐCS các CQHC, ĐVSN thuộc khu vực nhà nước đạt vững mạnh	Số lượng		
-	Tỷ lệ	%		
4.4	CĐCS khu vực ngoài nhà nước đạt vững mạnh	Số lượng		
-	Tỷ lệ	%		
5	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn			
5.1	Số cán bộ công đoàn chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng	Số lượng		
-	Tỷ lệ			

5.2	Số cán bộ công đoàn không chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng	Số lượng		
-	Tỷ lệ			
5.3	Số cán bộ chủ chốt công đoàn các cấp được bồi dưỡng, tập huấn nội dung về bình đẳng giới, lồng ghép giới trong hoạt động công đoàn	Số lượng		
-	Tỷ lệ			
5.4	Số cán bộ nữ công công đoàn cấp trên cơ sở trở lên được bồi dưỡng, tập huấn về bình đẳng giới, lồng ghép giới trong hoạt động công đoàn	Số lượng		
-	Tỷ lệ			
6	Công đoàn giới thiệu phát triển Đảng			
6.1	Số CĐCS có giới thiệu đoàn viên ưu tú cho tổ chức Đảng	CĐCS		
-	Tỷ lệ so với tổng số CĐCS	%		
6.2	Số đoàn viên CĐ ưu tú được CĐCS giới thiệu theo Điều lệ Đảng, trong đó:	Người		
-	Số công nhân lao động trực tiếp sản xuất	Số lượng		
-	Tỷ lệ			
6.3	Số đoàn viên công đoàn ưu tú do công đoàn giới thiệu được kết nạp vào Đảng, trong đó	Người		
-	Số công nhân lao động trực tiếp sản xuất được kết nạp			
-	Tỷ lệ			
7	Học tập nâng cao trình độ			
7.1	Số công nhân lao động được học tập nâng cao trình độ kỹ năng nghề nghiệp	Người		
-	Tỷ lệ	%		
7.2	Số công nhân lao động được học tập nâng cao trình độ học vấn	Người		
-	Tỷ lệ	%		
7.3	Số đoàn viên, công nhân lao động được học tập nâng cao hiểu biết về chính trị, pháp luật	Người		
-	Tỷ lệ	%		
8	An toàn vệ sinh lao động			
8.1	Mạng lưới an toàn vệ sinh viên ở doanh nghiệp có tổ chức công đoàn	Số người		
8.2	Số vụ tai nạn lao động chết người	Vụ		
9	Tổ chức các phong trào thi đua			
9.1	Sáng kiến, sáng tạo	Số lượng		
-	Trị giá	Tiền		
9.2	Công trình sản phẩm	Số lượng		
-	Trị giá			
9.3	Tôn vinh công nhân lao động tiêu biểu	Số lượng		

